

Số: 213A /QĐ-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sinh viên trúng tuyển nhập học liên thông cao đẳng hệ chính quy năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2015 của Trường;

Căn cứ số lượng sinh viên đủ điều kiện thủ tục trúng tuyển nhập học năm 2015 – 2016;

Xét đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo – Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quyết định sinh viên trúng tuyển nhập học cao đẳng liên thông, hệ chính quy năm 2015 gồm: 48 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các sinh viên trúng tuyển được nhập học liên thông cao đẳng, hệ chính quy của nhà trường kể từ năm học 2015 - 2016, theo đúng quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các thí sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD-ĐT;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT-GTVL.

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Dinh Văn Dê

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG NĂM 2015

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Phái	Mã tỉnh	Mã huyện	ĐT	KV	Mã ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
1	ĐĐT_003	Nguyễn Tiến Đạt	05/05/1991	Nam	2	16		3	51510301	9.25	8.00	7.00	24.25	24.50	TT
2	ĐĐT_004	Trần Văn Đăng	11/03/1991	Nam	45	3		2	51510301	7.50	9.50	7.50	24.50	24.50	TT
3	ĐĐT_005	Ngô Minh Đức	08/12/1994	Nam	54	3		3	51510301	6.00	8.00	5.25	19.25	19.50	TT
4	ĐĐT_006	Lê Văn Hiệp	25/03/1995	Nam	43	4		3	51510301	8.00	6.00	7.50	21.50	21.50	TT
5	ĐĐT_007	Nguyễn Văn Hương	12/02/1994	Nam	32	3		2	51510301	8.50	6.50	7.25	22.25	22.50	TT
6	ĐĐT_008	Nguyễn Hoàng Vũ Khanh	15/12/1997	Nam	49	12		2NT	51510301	6.50	8.00	7.25	21.75	22.00	TT
7	ĐĐT_009	Nguyễn Chánh Khoa	23/09/1989	Nam	2	12		3	51510301	8.00	6.75	5.75	20.50	20.50	TT
8	ĐĐT_010	Nguyễn Văn Lai	13/07/1989	Nam	46	9		3	51510301	8.75	7.75	7.25	23.75	24.00	TT
9	ĐĐT_011	Nguyễn Thành Luân	23/05/1997	Nam	49	13		2NT	51510301	7.75	8.00	7.75	23.50	23.50	TT
10	ĐĐT_012	Trần Đình Nguyễn	21/12/1991	Nam	42	7		3	51510301	8.25	8.50	7.00	23.75	24.00	TT
11	ĐĐT_013	Võ Thành Nhơn	28/09/1994	Nam	35	2		3	51510301	7.25	5.75	7.50	20.50	20.50	TT
12	ĐĐT_014	Bùi Cao Phi ...	23/05/1994	Nam	48	5		2	51510301	7.25	5.00	7.75	20.00	20.00	TT
13	ĐĐT_015	Nguyễn Đình Phô	05/05/1994	Nam	33	5		2	51510301	6.25	5.00	6.75	18.00	18.00	TT
14	ĐĐT_016	Nguyễn Văn Phúc	28/02/1987	Nam	46	6		3	51510301	8.75	10.00	8.25	27.00	27.00	TT
15	ĐĐT_017	Nguyễn Văn Sơn	29/06/1992	Nam	52	1		3	51510301	9.75	9.75	8.50	28.00	28.00	TT
16	ĐĐT_018	Dương Tấn Tài	05/07/1990	Nam	47	2		3	51510301	5.25	6.25	7.25	18.75	19.00	TT
17	ĐĐT_020	Trần Thanh Tân	18/03/1993	Nam	41	1		2	51510301	5.25	8.75	5.75	19.75	20.00	TT
18	ĐĐT_021	Nguyễn Đức Thắng	03/03/1995	Nam	28	25		3	51510301	8.50	9.25	7.25	25.00	25.00	TT

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Phái	Mã tỉnh	Mã huyện	ĐT	KV	Mã ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
19	ĐĐT_024	Phạm Xuân	Thịnh	25/09/1984	Nam	48	1		3	51510301	5.00	5.75	7.50	18.25	18.50	TT
20	ĐĐT_026	Huỳnh Duy	Thương	28/05/1994	Nam	35	5		3	51510301	8.75	9.25	8.75	26.75	27.00	TT
21	ĐĐT_027	Phạm Văn	Thương	02/05/1995	Nam	31	4	06	3	51510301	6.00	9.25	7.25	22.50	22.50	TT
22	ĐĐT_028	Lương Hoài	Thy	02/03/1995	Nam	49	13		2NT	51510301	5.00	9.00	7.00	21.00	21.00	TT
23	ĐĐT_030	Trần Đình	Trinh	18/11/1989	Nam	47	6		3	51510301	5.00	6.25	5.75	17.00	17.00	TT
24	ĐĐT_031	Phạm Quốc	Trọng	07/02/1994	Nam	2	20		3	51510301	5.00	7.75	7.25	20.00	20.00	TT
25	ĐĐT_032	Vũ Minh	Trọng	16/04/1994	Nam	48	3		3	51510301	5.00	6.00	5.75	16.75	17.00	TT
26	ĐĐT_033	Nguyễn Trung	Trực	22/09/1992	Nam	49	13		2NT	51510301	8.75	9.50	8.00	26.25	26.50	TT
27	ĐĐT_035	Trần Văn	Vàng	16/08/1986	Nam	47	2		3	51510301	8.00	9.50	8.25	25.75	26.00	TT
28	ĐĐT_036	Trần Huy	Vũ	27/07/1988	Nam	60	1		3	51510301	8.00	9.00	8.50	25.50	25.50	TT
29	ĐĐT_037	Nguyễn Tấn	Phát	02/08/1986	Nam	2	21		3	51510301	5.00	7.50	7.00	19.50	19.50	TT
30	CK_001	Nguyễn Trường	An	03/04/1993	Nam	55	7		3	51510201	7.25	9.00	5.50	21.75	22.00	TT
31	CK_003	Nguyễn Đức	Huy	19/11/1992	Nam	2	8		3	51510201	5.00	7.50	6.50	19.00	19.00	TT
32	CK_004	Nguyễn Mạnh	Phong	16/03/1991	Nam	2	15		3	51510201	5.00	5.25	7.00	17.25	17.50	TT
33	CK_005	Nguyễn Ngọc	Phong	14/11/1987	Nam	52	4		3	51510201	8.75	8.75	7.25	24.75	25.00	TT
34	CK_009	Trần	Tin ...	27/02/1994	Nam	47	2		3	51510201	5.00	5.00	5.50	15.50	15.50	TT
35	CK_010	Lê Trọng	Tuyến	01/11/1990	Nam	46	3		3	51510201	5.25	7.50	6.00	18.75	19.00	TT
36	CK_011	Phan Văn	Vạn	28/07/1994	Nam	51	5		3	51510201	8.00	9.75	6.75	24.50	24.50	TT
37	OTO_002	Nguyễn Trần Thanh Duy		21/01/1994	Nam	2	7		3	51510205	8.50	9.00	9.00	26.50	26.50	TT
38	OTO_003	Nguyễn Hoàng	Giang	16/01/1995	Nam	2	6		3	51510205	7.75	6.50	9.00	23.25	23.50	TT
39	OTO_005	Trần Văn	Hiền	19/06/1989	Nam	2	17		3	51510205	8.00	8.25	9.00	25.25	25.50	TT
40	OTO_006	Dương Thái	Hiệp	09/06/1994	Nam	58	8		3	51510205	9.75	7.75	8.25	25.75	26.00	TT

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Phái	Mã tỉnh	Mã huyện	ĐT	KV	Mã ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
41	OTO_007	Lê Ngọc Hoàng	12/01/1994	Nam	52	7		3	51510205	9.75	9.00	9.50	28.25	28.50	TT
42	OTO_008	Nguyễn Thành Lộc	01/03/1994	Nam	56	3		3	51510205	6.25	6.00	7.00	19.25	19.50	TT
43	OTO_010	Đặng Quang Minh	29/12/1984	Nam	2	6		3	51510205	5.00	5.00	6.00	16.00	16.00	TT
44	OTO_011	Phan Bá Nguyễn	20/09/1993	Nam	28	14		3	51510205	9.50	7.50	9.00	26.00	26.00	TT
45	OTO_012	Nguyễn Phúc Tài	08/07/1984	Nam	2	15		3	51510205	6.25	5.50	9.00	20.75	21.00	TT
46	OTO_013	Nguyễn Hữu Tâm	08/12/1982	Nam	2	12		3	51510205	6.75	5.25	8.00	20.00	20.00	TT
47	OTO_014	Nguyễn Thanh Tiếp	12/10/1995	Nam	46	7		3	51510205	6.25	5.00	9.00	20.25	20.50	TT
48	OTO_015	Đinh Hùng Tính	15/07/1994	Nam	54	10		3	51510205	6.75	6.75	10.00	23.50	23.50	TT

Tổng cộng danh sách có: 48 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KI HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Dê

Huỳnh Thị Minh Ly